

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỘC HÓA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 02-12-2020

“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘC HÓA, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Minh Trọng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lý Quốc Trường

2. Bà Phạm Thị Mai

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An.

Ngày 02 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 101/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2020, về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị M T, sinh năm 1989

Địa chỉ: xã B, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Ông Ngô H S, sinh năm 1989

Địa chỉ: xã B, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An.

Bà T có mặt, ông S vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Nguyễn Thị M T trình bày:* Bà T và ông S tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2011 và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An vào ngày 20/7/2011. Trong quá trình chung sống, bà T và ông S có 01 con chung tên Ngô Nguyễn H L, sinh ngày 09/5/2016. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, tuy nhiên thời gian về sau phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng ý kiến, thường xuyên cãi nhau, dẫn đến cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc.

Nay bà T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn đoàn tụ được nên khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

Về hôn nhân: Bà T yêu cầu được ly hôn với ông S.

Về con chung: Bà T tự nguyện giao con chung tên Ngô Nguyễn H L, sinh ngày 09/5/2016 cho ông S tiếp tục nuôi dưỡng vì từ khi ly thân đến nay con chung sống với ông S, bà T không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại bản tự khai và tại phiên hòa giải, bị đơn ông Ngô H S trình bày:* Về thời gian chung sống, đăng ký kết hôn và con chung thống nhất như bà T đã trình bày. Trong quá trình chung sống vợ chồng rất hạnh phúc, thời gian về sau có phát sinh mâu thuẫn, cãi nhau nhưng vợ chồng cũng đã làm hòa với nhau. Hiện nay ông S còn rất thương vợ nên qua yêu cầu khởi kiện của bà T thì ông S có ý kiến như sau:

Về hôn nhân: Ông S không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, ông S không thể hiện ý kiến, yêu cầu gì về con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Bà Nguyễn Thị M T và ông Ngô H S tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo quy định tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An vào ngày 20/7/2011 nên quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông S là hợp pháp.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị M T khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn ông Ngô H S cư trú tại xã B, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp ly hôn” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc xét xử vắng mặt bị đơn ông Ngô H S: Xét thấy ông Ngô H S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai theo quy định nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn ông Ngô H S.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Tại phiên tòa, bà T xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, bà T không còn tình cảm với ông S, cuộc sống vợ chồng không thể kéo dài và cương quyết yêu cầu được ly hôn. Tại phiên hòa giải, ông S trình bày vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn tuy nhiên vợ chồng đã làm hòa với nhau, ông S còn thương yêu vợ nên không đồng ý ly hôn, cần thời gian để hàn gắn đoàn tụ. Xét thấy, mặc dù ông S cho rằng mâu thuẫn vợ chồng không trầm trọng nhưng hai bên đều trình bày vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn. Ngoài ra, thời gian từ phiên hòa giải đến phiên tòa là hơn 01 tháng, Tòa án đã tạo điều kiện cho hai bên có cơ hội để hàn gắn, đoàn tụ nhưng ông S vẫn mặt không có lý do tại cả 02 phiên tòa, có thể thấy rằng ông S không thật sự có thiện chí mong muốn giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn đoàn tụ. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn giữa bà T và ông S đã trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, không còn khả năng đoàn tụ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Bà T và ông S có 01 con chung tên Ngô Nguyễn H L, sinh ngày 09/5/2016, hiện tại con chung đang sống cùng ông S. Tại phiên tòa, bà T tự nguyện giao con chung cho ông S tiếp tục nuôi dưỡng. Xét thấy, ông S đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không có ý kiến và yêu cầu đối với việc nuôi dưỡng con chung. Do đó, để đảm bảo sự phát triển về mọi mặt của con chung, tránh thay đổi môi trường sống, môi trường học tập của con chung, căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử thấy rằng cần tiếp tục giao con chung cho ông S nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp.

[5] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Ngô H S không thể hiện ý kiến, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị M T và ông Ngô H S không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị M T phải chịu án phí ly hôn theo quy định. Ông Ngô H S không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M T đối với ông Ngô H S.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị M T ly hôn ông Ngô H S.

- Về con chung: Giao con chung Ngô Nguyễn H L, sinh ngày 09/5/2016 cho ông Ngô H S tiếp tục nuôi dưỡng. Bà Nguyễn Thị M T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị M T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) sung vào công quỹ Nhà nước, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003224 ngày 01/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị M T có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Ngô H S có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Mộc Hóa;
- Chi cục THADS huyện Mộc Hóa;
- **UBND xã B;**
- TAND tỉnh Long An;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Minh Trọng